TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **33**/2020/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 11 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 381/2019/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019, giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh Phạm Đức H, sinh năm: 1988;
Nghề nghiệp: Công nhân;
Địa chỉ: Thôn 12 (nay là tổ 12), xã Đ(phường Đ), thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998;
Nghề nghiệp: Công nhân;
Địa chỉ: Thôn 12 (nay là tổ 12), xã Đ(phường Đ), thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Đức H và Chị Nguyễn Thị L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn N, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2017 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục; giao

cháu Phạm Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2018 cho Anh Phạm Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Đức H tự nguyện nhận chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000193, ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho anh H số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Nguyễn Thị L không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền